

Số: /TB-STC

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 05/05/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài;

Sở Tài chính Bình Định thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để đấu giá Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

Sở Tài chính Bình Định; địa chỉ số 181, đường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài. Trong đó:

+ Vốn ngân sách nhà nước đầu tư hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định quản lý, sử dụng (có Danh mục chi tiết kèm theo).

+ Vốn do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định đầu tư (có Danh mục chi tiết kèm theo).

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá

Tổng giá trị khởi điểm để đấu giá Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài là **19.177.076.000 đồng** (Mười chín tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước đầu tư là: **14.731.559.000 đồng**;

- Vốn Công ty CP tự đầu tư là: **4.445.517.000 đồng**.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

4.1 Quy định về tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí khác do Sở Tài chính Bình Định quyết định, cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá: Có trụ sở, địa chỉ cụ thể, rõ ràng, ổn định tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để đảm bảo cho cuộc đấu giá; có trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài

sản.

b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tổ chức đấu giá tài sản phải xây dựng phương án đấu giá tài sản chi tiết phù hợp với tài sản đưa ra đấu giá.

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

- Tổ chức đấu giá tài sản được thành lập theo đúng quy định của pháp luật (*có Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký hoạt động hoặc Quyết định thành lập*);

- Có bản mô tả năng lực, kinh nghiệm và uy tín;

- Có tối thiểu 02 đấu giá viên (*có bản sao chứng thực Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên, Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, Hợp đồng lao động*);

- Có tối thiểu 04 hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản riêng lẻ của Nhà nước đã đấu giá thành từ năm 2019 đến nay với kết quả đấu giá thành công từ 15 tỷ đồng/tài sản trở lên (tài sản đấu giá không phải là dự án đầu tư có sử dụng đất). (*có bản sao chứng thực hợp đồng và tài liệu chứng minh*).

d) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp Bình Định công bố.

đ) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp: Theo quy định Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

4.2 Quy định về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

a) Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí tại điểm a, b, c, d mục 4.1 thì mới được tiếp tục đánh giá tiêu chí tại điểm đ mục 4.1 nêu trên. Nếu tổ chức đấu giá tài sản không đáp ứng một trong các tiêu chí tại điểm a, b, c, d mục 4.1 thì sẽ không được lựa chọn.

b) Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên cùng đáp ứng tất cả các tiêu chí tại điểm a, b, c, d, đ mục 4.1 nêu trên thì tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp hơn sẽ được chọn. Nếu có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên cùng có mức thù lao dịch vụ đấu giá bằng nhau thì tổ chức đấu giá nào có chi phí đấu giá tài sản thấp hơn sẽ được chọn (đề nghị ghi rõ số tiền).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 10/05/2021 đến hết ngày 18/05/2021 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Sở Tài chính Bình Định, địa chỉ số 181, đường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số điện thoại liên hệ: 02563.629885.

** Lưu ý: Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá đóng thành quyển, không trả lại hồ sơ nếu không được lựa chọn.*

Sở Tài chính Bình Định thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS, DNTH.

GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Nghi

PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /05/2021 của Sở Tài chính Bình Định)

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ		
01	San nền + Nhà điều hành trung tâm		
1.1	San nền	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Hệ số đầm chặt k90. ❖ Hiện trạng: Công trình đã qua sử dụng một thời gian dài và hiện đang sử dụng bình thường. 	7.312m ³
1.2	Nhà điều hành trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Nền: <ul style="list-style-type: none"> + Lát gạch ceramic (300 x 300)mm. + Bê tông lót nền: Vữa XM M50, đá 4x6, dày 100cm. - Mái: <ul style="list-style-type: none"> + Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu dày 0,4mm. + Xà gồ thép C125x45x10 dày 2,5mm. + Sê nô mái: Bê tông đá 1x2, sắt phi 8 và phi 6. - Tường: <ul style="list-style-type: none"> + Xây gạch rỗng 06 lỗ, dày 150mm. + Sơn mactic bên trong và bên ngoài. - Cột, dầm: <ul style="list-style-type: none"> + Cột: Bê tông đá 1x2, vữa XM M200, sắt phi 14, phi 6. + Dầm: Bê tông đá 1x2, vữa XM M200, sắt phi 20, phi 18, phi 16, phi 6. - Móng: <ul style="list-style-type: none"> + Loại móng đơn giằng BTCT. + Bê tông đá 1x2, vữa XM M200, sắt phi 14, phi 6. ❖ Hiện trạng: Công trình đã qua sử dụng một thời gian dài, kết cấu công trình bị nứt nhiều chỗ, tường bị nứt, tróc sơn và mốc nhiều chỗ, nền bị nứt lún nhiều nơi, mái bị rỉ sét và bị thủng tương đối nhiều. Hiện đang được sử dụng bình thường. 	240m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
02	Gói thầu 7C (Tường rào + Cổng ngõ)		
2.1	Tường rào	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 554md. – Trụ BTCT kích thước (200 x 200)mm. Trát trụ vữa xi măng M75, dày 1,5cm. – Tường xây gạch vữa xi măng M50. Vét vôi 03 nước. Cao 2,2m. – Móng xây đá chẻ kích thước (15 x 20 x 25)cm, vữa xi măng M75. Móng trụ BTCT đá 1x2, vữa xi măng M200. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã qua sử dụng một thời gian dài, tường rào đã bị nứt nhiều chỗ, lớp trát tường bị bong tróc và bị mốc nhiều nơi, khả năng chịu lực kém. Hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	1.196,8m ²
2.2	Cổng ngõ		
2.2.1	Cổng sắt mở thép hộp 16x16	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 1,4md. – Trụ kích thước (600 x 600)mm, xây gạch tuynel 02 lỗ, vữa xi măng M75. – Móng xây đá chẻ (15 x 20 x 25)cm, vữa xi măng M75. – Cổng bằng thép hộp (16 x 16)mm. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, cổng đã bị mục, cột bị nứt nhiều chỗ, lớp sơn bị phai màu và rỉ sét nhiều nơi. Hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	3,08m ²
2.2.2	Cổng đẩy khung sắt hộp 40x40	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 6md. – Cao 2,2m. – Khung thép hộp (40 x 40)mm. – Song sắt thép hộp 16x16, pa nô thép tấm. – Móng xây đá chẻ 15x20x25, vữa xi măng M75. – Móng trụ BTCT đá 1x2, vữa xi măng M200. – Trụ cổng kích thước (600 x 600)mm, xây gạch tuynel 02 lỗ, vữa xi măng M75. Ốp gạch granit bóng kiếng (30 x 30)cm. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, cổng đã bị mục, cột bị nứt nhiều chỗ, lớp</p>	13,2m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<i>son bị phai màu và rỉ sét nhiều nơi, khả năng chịu lực kém. Hiện đang được sử dụng bình thường.</i>	
03	Gói thầu 7D (Sân phơi + Đường nội bộ)		
3.1	<i>Sân phơi</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Lát đan bê tông đúc sẵn kích thước (600 x 600)mm, bê tông đá 1x2 M200. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, sân phơi bị nứt, mục nhiều chỗ, khả năng chịu lực kém. Hiện đang được sử dụng bình thường. 	797,7m ²
3.2	<i>Đường nội bộ</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 83m³. – Chiều rộng đường: 8m. ❖ Hiện trạng: Công trình xây dựng đã qua sử dụng một thời gian dài, nền đường bị nứt nhiều chỗ, lớp bê tông bị bong tróc ở nhiều đoạn. Hiện đang được sử dụng bình thường. 	415m ²
04	Tường rào bảo vệ trạm bơm KV1 và KV2 Phú Tài		
4.1	<i>Tường rào bảo vệ trạm bơm KV1</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 38md. – Móng cột: BTCT sắt phi 16, phi 10 và phi 6. Sâu 1,5m. – Móng tường: Xây đá chẻ, vữa xi măng M50. Sâu 80cm, rộng 42cm. Giằng tường bằng dầm BTCT (200 x 200)mm, sắt phi 14 và phi 6. – Tường: Xây gạch rỗng, vữa xi măng M50, vét vôi 03 nước, dày 10cm. Cao 2m. – Cột: BTCT kích thước (300 x 300)mm, sắt phi 14 và phi 6. – Đinh tường: Thép (V40 x 40 x 4)mm, dây kẽm gai. Cao 80cm. – Cổng sắt: Cánh cổng bằng khung thép tròn phi 60, bọc lưới B40. Rộng 3m. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài; tường bị nứt nhiều chỗ, hoen mốc nhiều chỗ; dây kẽm gai ở đỉnh tường bị mục, rỉ sét toàn bộ. Hiện đang được sử dụng bình thường. 	76m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
4.2	Tường rào bảo vệ trạm bơm KV2	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Khối lượng: 41,4md. – Móng cột: BTCT sắt phi 16, phi 10 và phi 6. Sâu 1,5m. – Móng tường: Xây đá chẻ, vữa xi măng M50. Sâu 80cm, rộng 42cm. Giằng tường bằng dầm BTCT (200 x 200)mm, sắt phi 14 và phi 6. – Tường: Xây gạch rỗng, vữa xi măng M50, vét vôi 03 nước, dày 10cm. Cao 2m. – Cột: BTCT kích thước (300 x 300)mm, sắt phi 14 và phi 6. – Đinh tường: Thép (V40 x 40 x 4)mm, dây kẽm gai. Cao 80cm. – Cổng sắt: Chông sắt phi 14. Cánh cổng bằng khung thép tròn phi 60, bọc lưới B40. Rộng 3m. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, tường bị nứt nhiều chỗ, hoen mốc nhiều chỗ; dây kẽm gai ở đỉnh tường bị mục, rỉ sét toàn bộ. Hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	82,8m ²
05	Hệ thống thoát nước thải KCN Phú Tài MR phía Nam (Trạm biến áp 50kVA-22/0,4kV trạm bơm KV 01 và KV 02)	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Kiểu đặt trụ BTLT ghép cao 10,5m, kết cấu TBA ngoài trời, không có tường rào bao che. – Máy biến áp 03 pha 50kVA-22/0,4kV. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, kết cấu trụ có nhiều vết nứt, lớp bê tông bảo vệ bị mục nhiều chỗ. Khung máy biến áp bị rỉ sét nhiều nơi, trạm vẫn còn hoạt động. Hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	02 trạm
06	Hệ thống thoát nước thải KCN Phú Tài MR phía Nam; Đường ống, hố thu gom và trạm		
6.1	Tuyến số 01	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Tuyến cống BTLT, D = 300mm. – Hố ga: 15 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10 + Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8 cm. – Hố ga kỹ thuật: 07 cái. 	872,60md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6 + Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 02 thanh sắt phi 12. + Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	
6.2	Tuyến số 02 + tuyến 2A	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Tuyến cống BTLT, D = 400mm. - Hố ga: 29 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m. + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8cm. - Hố ga kỹ thuật: 06 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m. + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 2 thanh sắt phi 12. + Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	1.111,30md
6.3	Tuyến số 03 + Tuyến số 03 (Nối dài)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Tuyến cống BTLT, D = 400mm. - Hố ga: 11 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10 + Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8cm. - Hố ga kỹ thuật: 02 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m. + Hố ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 	777,15md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 02 thanh sắt phi 12.</p> <p>+ Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	
6.4	Tuyến số 04	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Tuyến cống BTLT, D = 300mm.</p> <p>– Hố ga: 15 cái.</p> <p>+ Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m.</p> <p>+ Hố ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10.</p> <p>+ Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8cm.</p> <p>– Hố ga kỹ thuật: 04 cái.</p> <p>+ Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m.</p> <p>+ Hố ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6</p> <p>+ Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 02 thanh sắt phi 12.</p> <p>+ Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	665,80md
6.5	Tuyến số 05	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Tuyến cống BTLT, D = 400mm.</p> <p>– Hố ga: 12 cái.</p> <p>+ Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m.</p> <p>+ Hố ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10.</p> <p>+ Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8cm.</p> <p>– Hố ga kỹ thuật: 03 cái.</p> <p>+ Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m.</p> <p>+ Hố ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6</p> <p>+ Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 02 thanh sắt phi 12.</p> <p>+ Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm.</p>	549md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	
6.6	Tuyến số 06	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Tuyến cống BTLT, D = 300mm, D = 400mm.</p> <p>– Hồ ga: 08 cái.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (110 x 90)mm, cao 1,52m. + Hồ ga bằng BTCT, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT: Kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8, dày 8cm. <p>– Hồ ga kỹ thuật: 02 cái.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m. + Hồ ga bằng BTCT, sắt phi 10 và phi 6 + Tấm đan BTCT: Kích thước (1.200 x 800)mm, thép lá dày 2mm, thép chữ L (50 x 50 x 3)mm, 02 thanh sắt phi 12. + Lưới chắn rác: Kích thước (1.200 x 600)mm, lưới bằng inox phi 3mm, khung bằng thép vuông (20 x 20)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	291md
6.7	Đường ống áp lực từ đài nước TB khu vực 01 đến KC	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Tuyến cống thép D = 250mm, dày 6mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài, và hiện đang được sử dụng bình thường</p>	272md
6.8	Đường ống áp lực từ đài nước TB khu vực 02 đến đường ống áp lực khu vực 01	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Tuyến cống thép D = 250mm, dày 6mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	58,9md
6.9	Trạm bơm KV1	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Diện tích: (2.130 x 380)mm</p> <p>– Bao gồm: Nhà máy bơm, bể hút, bể chứa.</p> <p>– Kết cấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần móng: Bê tông lót đá 4x6, M100, dày 10cm, trên là lớp BTCT dày 30cm, đáy bể lắng BT đan lưới cốt thép sắt phi 12, vữa XM M75, dày 2,5cm. + Phần tường: Tường xây gạch 6 lỗ, vữa XM M50, quét vôi 1 trắng 2 màu, dầm BTCT (30 x 40)cm. 	80,94m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Trụ BTCT (30 x 40)cm, dầm sắt phi 22 và phi 6, cao 2,4m, số lượng: 10 trụ. + Dầm BTCT (30 x 40)cm: Sắt phi 22, phi 20 và phi 6. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	
6.10	Trạm bơm KV2	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Diện tích: (2.130 x 380)mm. – Bao gồm: Nhà máy bơm, bể hút, bể chứa. – Kết cấu: <ul style="list-style-type: none"> + Phần móng: Bê tông lót đá 4x6, M100, dày 10cm, trên là lớp BTCT dày 30cm, đáy bể lắng BT đan lưới cốt thép sắt phi 12, vữa XM M75, dày 2,5cm. + Phần tường: Tường xây gạch 06 lỗ, vữa XM M50, quét vôi 1 trắng 2 màu, dầm BTCT (30 x 40)cm. + Trụ BTCT (30 x 40)cm, dầm sắt phi 22 và phi 6, cao 2,4m. Số lượng: 10 trụ. + Dầm BTCT (30 x 40)cm: Sắt phi 22, phi 20 và phi 6. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, kết cấu nhà máy bơm bị mục, nứt nhiều chỗ, tường bị mục, lớp trát tường bị bong tróc nhiều chỗ. Hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	01 trạm
07	Hệ thống thoát nước thải (Trạm biến áp 50kVA-22/0,4kV của 02 trạm bơm cấp 1 và cấp 2)		
7.1	Trạm biến áp 50kVA-22/0,4kV của trạm bơm cấp 1	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Điểm đầu: Đấu nối vào vị trí cột số C324 thuộc đường dây 22kV KCN Long Mỹ. – Điểm cuối: TBA trạm bơm cấp 1. – Đường dây 22kV: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài tuyến 43m + Dây dẫn 3XLPE 12,7kV A70. + Xà: Thép hình mạ kẽm. + Phân đoạn: 3FCO 24kV. – Kết cấu trạm: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu treo loại ngoài trời. 	01 trạm

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + <i>Cột TBA: BTLT 10,5D.</i> + <i>Hệ xà trạm: Thép hình mạ nhôm.</i> + <i>Hệ thống nối đất trạm: R4x10C. Rnd chung = 4,8Ω.</i> - <i>Máy biến áp:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Dung lượng: 50kVA. Điện áp: 22(15)/0,4kV. Số pha: 03. Số lượng máy: 01</i> + <i>Nước sản xuất: Việt Nam (THIBIDI).</i> + <i>Dầu máy biến áp: Castrol.</i> + <i>Điện áp phóng: 40kV/2,5mm.</i> + <i>Thiết bị bảo vệ quá điện áp khí quyển: 03LA 18kV.</i> + <i>Cáp tổng: CVV-3x50+1x25-0,6/1kV.</i> + <i>Tủ điện hạ thế và bố trí thiết bị trong tủ: Tủ thép TĐ-2 đặt dưới máy biến áp gồm có: ATM tổng 100A-600V; ATM tụ bù 50A-600V + 01 tụ bù 20kVAr 400V; ATM lộ chiếu sáng 75A-600V; ATM lộ trạm bơm 50A-600V.</i> ❖ Hiện trạng: <i>Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, kết cấu đỡ trạm bị nứt nhiều chỗ, khung máy biến áp bị rỉ sét, mục nhiều nơi. Hiện đang sử dụng bình thường.</i> 	
7.2	Trạm biến áp 50kVA-22/0,4kV của trạm bơm cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Năm đưa vào sử dụng: 2007.</i> - <i>Đường dây 22kV:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điểm đầu: Đầu nối vào vị trí cột số C296 thuộc đường dây 22kV Cây Gáo.</i> - <i>Điểm cuối: TBA trạm bơm cấp 2.</i> - <i>Đường dây 22kV:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chiều dài tuyến: 32m.</i> + <i>Dây dẫn: 3XLPE 12,7kV A70.</i> + <i>Xà: Thép hình mạ kẽm.</i> + <i>Phân đoạn: 3FCO 24kV.</i> - <i>Kết cấu trạm:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Kiểu treo loại ngoài trời.</i> + <i>Cột TBA: BTLT 10,5D.</i> + <i>Hệ xà trạm: Thép hình mạ nhôm.</i> + <i>Hệ thống nối đất trạm: R4x10C. Rnd chung = 3,2Ω.</i> - <i>Máy biến áp:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Dung lượng: 50kVA. Điện áp: 22(15)/0,4kV. Số pha: 03. Số lượng máy:</i> 	01 trạm

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>01</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nước sản xuất: Việt Nam (THIBIDI). + Dầu máy biến áp: Castrol. + Điện áp phóng: 40kV/2,5mm. + Thiết bị bảo vệ quá điện áp khí quyển: 03LA 18kV. + Cáp tổng: CVV-3x50+1x25-0,6/1kV. + Tủ điện hạ thế và bố trí thiết bị trong tủ: Tủ thép TĐ-2 đặt dưới máy biến áp gồm có: ATM tổng 100A-600V; ATM tụ bù 50A-600V + 01 tụ bù 20kVAr 400V; ATM lộ chiếu sáng 75A-600V; ATM lộ trạm bơm 50A-600V. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, kết cấu đỡ trạm bị nứt nhiều chỗ, khung máy biến áp bị rỉ sét, mục nhiều nơi. Hiện đang sử dụng bình thường.</p>	
08	Tường rào bao quanh hồ thu gom và trạm bơm đẩy nước thải		
8.1	Tường rào xây gạch	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2008. – Khối lượng: 150md. – Móng: Đơn BTCT kích thước (800 x 1.300) sắt phi 12. – Dầm: BTCT kích thước (200 x 250)mm, sắt phi 16 và phi 6, bê tông đá 1x2 M200. – Tường: Xây gạch 06 lỗ, vữa xi măng M50. Dày 15cm. – Trụ: BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 14 và phi 6. Cao 2,2m. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, tường bị nứt nhiều chỗ, lớp trát tường bị bong tróc, mục ở nhiều đoạn. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	330m ²
8.2	Cổng sắt	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2008. – Khối lượng: 6md. – Khung bằng thép tròn phi 60. – Song sắt: Sắt hộp 16x16 dày 2mm. Đầu song sắt vác nhọn sắt phi 16, lập là sắt dày 2mm. – Ray trượt cổng sắt: Sắt V5, dày 3,3mm. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài cổng sắt đã cũ, nước sơn bị phai màu, bị rỉ sét, mục nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình</p>	13,2m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<i>thường.</i>	
09	Thiết bị phân tích môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Bao gồm các thiết bị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Cân phân tích điện tử hiển thị số: Xuất xứ: A&D Nhật; Model: GR-200; Số lượng: 01 cái. + Máy quang phổ tử ngoại khả kiến: Xuất xứ: HACH USA; Model: DR/4000U; Số lượng: 01 cái. + Máy đo PH cầm tay: Xuất xứ: Oakton USA; Model: Acorn ph5; Số lượng: 01 cái. + Hệ thống chưng cất Nitơ: <ul style="list-style-type: none"> ○ Bộ chưng cất đậm dùng để phân tích Nitơ: Xuất xứ: Velp Ý; Số lượng: 01 cái. ○ Bộ phá mẫu để phân tích Nitơ Photpho: Xuất xứ: Velp Ý; Số lượng: 01 cái. + Các tài sản khác: <ul style="list-style-type: none"> ○ Tủ hút khí độc: Xuất xứ: Việt Nam; Số lượng: 01 cái. ○ Hóa chất: Số lượng: 33 loại. ○ Cân kỹ thuật: Xuất xứ: A&D Nhật; Model: EK-200i; Số lượng: 01 cái ○ Tủ sấy khô vật liệu: Xuất xứ: MMM Đức; Model: Ecocell; Số lượng: 01 cái. ○ Máy đo pH để bàn: Xuất xứ: Oakton USA; Model: PH1100; Số lượng: 01 cái ○ Máy đo D.O cầm tay: Xuất xứ: Oakton USA; Model: Waterproof 300; Số lượng: 01 cái. ○ Bộ phân tích BOD: Xuất xứ: Velp Ý; Model: FOC 225E; Số lượng: 01 cái ○ Bộ phân tích COD: Xuất xứ: HACH; Số lượng: 01 cái. ○ Bộ lọc chân không phân tích hàm lượng chất rắn lơ lửng: Xuất xứ: Cole Parmer; Số lượng: 01 cái. ○ Tủ lạnh bảo quản mẫu: Xuất xứ: Samsung Việt Nam; Loại: 200 lít 200V/50Hz; Số lượng: 01 cái. ○ Máy cất nước 02 lần: Xuất xứ: Hamiton Anh; Model: WSC/4D; Số lượng: 01 cái. ○ Máy khuấy từ gia nhiệt 01 chỗ: Xuất xứ: Velp Ý; Model: ARE; Số lượng: 01 cái. ○ Thiết bị đo lưu lượng: Xuất xứ: Cole 	01 bộ

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p><i>Parmer Mỹ; Số lượng: 01 cái.</i></p> <p><i>o Dụng cụ thí nghiệm: Số lượng: 43 loại.</i></p> <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã qua sử dụng một thời gian dài, đã hư hỏng hoàn toàn, không còn khả năng sử dụng, đồng thời tài sản hiện đã có quyết định thanh lý khỏi Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài và có giá trị thu hồi bằng 0 theo biên bản thanh lý.</p>	
10	Hệ thống đường ống dẫn nước thải sau xử lý tại khu XLNT tập trung.		
10.1	Tuyến chính	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Ống BTLT D400-6.</p> <p>– Ống thép phi 400, dài 12m, dày 8mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	1.766,5md
10.2	Tuyến đường ống điều chỉnh từ Cọc b29+4m đến c4+14m	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Ống BTLT D400-6.</p> <p>– Ống thép phi 400, dài 12m, dày 8mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	367,3md
11	Hệ thống ống nhánh thu gom nước thải đợt 2		
11.1	Tuyến số 1 (Từ G-04 đến G-18)	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Ống nhựa uPVC, D200.</p> <p>– Ống nhựa uPVC, D100.</p> <p>– Ống thép D = 200mm.</p> <p>– Hồ ga chính: 17 cái.</p> <p>+ BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m</p> <p>+ Sắt phi 10 và phi 6.</p> <p>+ Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm.</p> <p>– Hồ ga kỹ thuật: 04 cái.</p> <p>+ BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m.</p> <p>+ Sắt phi 10 và phi 6.</p> <p>+ Bê tông đá 1x2, M200.</p> <p>+ Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12.</p>	459,9md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Thép (L50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường. 	
11.2	Tuyến số 2 (Từ HGTT đến G-23)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D400. - Ống nhựa uPVC, D100. - Ống BTLT, D400. - Hố ga chính: 06 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường. 	94,8md
11.3	Tuyến số 3 (Từ G-23 đến G-47)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống BTLT, D400. - Hố ga chính: 14 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Hố ga kỹ thuật: 03 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Bê tông đá 1x2, M200. + Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12. + Thép (L50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường. 	123,51md
11.4	Tuyến số 4 (Từ G-47 đến HGKT)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D200. 	272,8md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Ống nhựa uPVC, D100. - Hố ga chính: 09 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	
11.5	Tuyến số 5 (Từ G-47 đến G-66)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D400. - Ống BTLT, D400. - Hố ga chính: 11 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Hố ga kỹ thuật: 01 hố. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Bê tông đá 1x2, M200. + Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12 + Thép (L50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	247md
11.6	Tuyến số 6 (Từ G-66 đến G-81)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D200. - Ống nhựa uPVC, D100. - Ống thép D = 200mm. - Ống BTLT, D400. - Hố ga chính: 09 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. 	317,5md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường. 	
11.7	Tuyến số 7 (Từ G-75 đến G-87)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D200. - Ống thép phi 300. - Hồ ga chính: 03 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Hồ ga kỹ thuật: 01 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Bê tông đá 1x2, M200. + Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12. + Thép (L50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường. 	135,2md
11.8	Tuyến số 8 (Từ G-86 đến G-89)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống nhựa uPVC, D100. - Ống thép, D = 200mm. - Hồ ga chính: 03 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm. - Hồ ga kỹ thuật: 02 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m. + Sắt phi 10 và phi 6. + Bê tông đá 1x2, M200. + Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12. + Thép (L50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, 	160,9md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p><i>lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm.</i></p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	
11.9	Tuyến số 9 (Từ G-47 đến G-66)	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Ống nhựa uPVC, D200.</p> <p>– Ống nhựa uPVC, D100.</p> <p>– Hồ ga chính: 04 cái.</p> <p>+ BTCT kích thước (1,2 x 1,2)m, cao 1,7m.</p> <p>+ Sắt phi 10 và phi 6.</p> <p>+ Tấm đan BTCT kích thước (100 x 500)mm, sắt phi 10 và phi 6, dày 80mm.</p> <p>– Hồ ga kỹ thuật: 02 cái.</p> <p>+ BTCT kích thước (1,65 x 1,2)m, cao 1,4m.</p> <p>+ Sắt phi 10 và phi 6.</p> <p>+ Bê tông đá 1x2, M200.</p> <p>+ Tấm đan BTCT kích thước (1.200 x 800)mm, dày 2mm, sắt phi 10 và 12.</p> <p>+ Thép (L50 x 50 x 3)mm.</p> <p>– Lưới chắn rác: Kích thước (600 x 1.200)mm, lưới thép phi 3 ly (20 x 20)mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	136,2md
12	Thiết bị Hệ thống XLNT tại các hố thu gom của trung tâm và hồ sinh học hiếu khí	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Bao gồm các công tác:</p> <p>+ Xây dựng vách ngăn, sàn công tác trong hố gom nước thải để lắp đặt máy bơm chìm loại bơm nước thải, công suất 150m³/h, cột nước bơm H = 20m; Lắp đặt song chắn rác và thiết bị vớt rác tự động; Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện từ trạm biến áp đến máy bơm</p> <p>+ Lắp đặt máy bơm sục khí cho hồ sinh học hiếu khí kiểu Ejector đặt trên phao nổi; Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện từ trạm biến áp đến máy bơm sục khí</p>	
12.1	Bơm nước thải loại chìm	<p>– Xuất xứ: Dreno-Italy.</p> <p>– Lưu lượng: 150m³/h – 200m³/h.</p> <p>– Cột áp: 20m.</p> <p>– Công suất động cơ: 15kW.</p> <p>– Điện áp: 3 x 380V - 50H.</p>	02 cái

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, 01 cái hiện đang sử dụng bình thường, 01 cái mới sửa chữa còn hoạt động được hiện đang để kho.	
12.2	Máy sục khí kiểu Ejector	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: SCM-Italy. - $Q = 11\text{kgO}_2/\text{h}$. - Công suất điện: 7,5kW. - Điện áp: 3 x 380V - 50Hz. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, hiện còn hoạt động được, tuy nhiên hiện đang lưu giữ trong kho và không có nhu cầu sử dụng.	04 cái
13	Chuyển giao công nghệ các hồ sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Năm thực hiện: 2007. - Bao gồm phần vật tư, thiết bị cho công tác chuyển giao công nghệ. 	
13.1	Máy bơm chìm nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Italy. - Lưu lượng: $50\text{m}^3/\text{h}$. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, hiện đang sử dụng bình thường.	01 cái
13.2	Máy nén khí	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đà Loan. - Công suất: 2kW. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, khung máy bị rỉ sét nhiều chỗ, còn hoạt động được, tuy nhiên hiện đang để kho và không có nhu cầu sử dụng.	01 cái
14	Các hồ sinh học và đường ống thu gom nước thải		
14.1	Hồ làm thoáng nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Chu vi hồ: 394,7m. Sâu 4,5m. - Mái taluy rộng: 9m. Cấu tạo gồm 03 lớp: Vải nilon; Đất sét; Tấm bê tông ghép, giằng bằng dầm BTCT kích thước (200 x 300)mm, sắt phi 10 và phi 6, dầm đáy BTCT kích thước (250 x 400)mm, sắt phi 14 và phi 6. - Đáy hồ gồm: Lớp đất đầm chặt, lớp vải nilon, lớp đất sét đầm chặt 20cm, lớp đệm cát dày 20cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, bề mặt mái taluy nhiều chỗ bị sụt lún, lớp vữa xi măng bề mặt bị ăn mòn. Hiện đang còn sử dụng bình thường.	01 hạng mục

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
14.2	Hồ sinh học tùy tiện	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Chu vi hồ: 368,6m. Sâu 3m. – Mái taluy rộng: 6m. Cấu tạo gồm: Lớp đất tự nhiên, lớp đất sét đầm chặt, tấm lát bê tông. – Đáy hồ gồm: Lớp đất đầm chặt, lớp đất sét tự nhiên đầm chặt dày 20cm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, bề mặt mái taluy nhiều chỗ bị sụt lún, lớp vữa xi măng bề mặt bị ăn mòn. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	01 hạng mục
14.3	Tuyến cống từ G-01 đến G-23	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Ống BTLT, D400, M300. – Hồ ga: 23 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Hồ ga BTCT có kích thước (1.440 x 1.440)mm, cao 2,5m (Loại A), cao 2,42m. + Vật liệu: BTCT M200, sắt phi 10 và phi 6. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	842md
14.4	Tuyến cống từ G-24 đến Hồ gom	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Ống BTLT, D400, M300. – Hồ ga: 21 cái. <ul style="list-style-type: none"> + Hồ ga BTCT có kích thước (1.440 x 1.440)mm, cao 2,5m (Loại A), cao 2,42m. + Vật liệu: BTCT M200, sắt phi 10 và phi 6. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	831md
14.5	Hồ gom nước thải	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – BTCT kích thước (6.000 x 6.000)mm, BT M200, dày 300mm, sắt phi 12, phi 10, phi 18, phi 8 và phi 6, cao 6,4m. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, lớp trát bị bong tróc có vết nứt nhiều chỗ, hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	01 cái
15	Hệ thống đường ống thu gom nước thải đợt 1		
15.1	Tuyến số 1	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 2007. – Ống uPVC, D = 200mm. – Hồ ga thăm: 17 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng</p>	998,15md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<i>dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</i>	
15.2	Tuyến số 2	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 200mm. - Hố ga thăm: 21 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	502md
15.3	Tuyến số 3	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 200mm. - Hố ga thăm: 15 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	625,9md
15.4	Tuyến số 4	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 200mm. - Hố ga thăm: 04 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	189,9md
15.5	Tuyến số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 200mm. - Hố ga thăm: 15 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	571,8md
15.6	Tuyến nhánh số 1, 2, 3	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 150mm. - Hố ga thăm: 09 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	296,1md
15.7	Tuyến nhánh số 4	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 114mm. - Hố ga thăm: 06 cái. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	301,15md
15.8	Tuyến nhánh số 5	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống uPVC, D = 114mm. - Hố ga thăm: 12 cái. 	439,48md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.	
15.9	Tuyến chính trung tâm (Đoạn kéo dài)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống BTLT D = 400mm. - Hồ ga thăm: 09 cái. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.	345,5md
15.10	Cống gang, hồ ga, hồ kỹ thuật cống gang	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Ống thép D = 200mm. - Hồ ga: 10 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1.300 x 1.300)mm, sắt phi 10 và phi 8. Cao 1,5m. + Tấm đan BTCT kích thước (115 x 57,5)cm, sắt phi 8. Dày 8cm. - Hồ ga kỹ thuật: 40 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (144 x 204)cm, bê tông đá 1x2 M200, sắt phi 18, phi 10 và phi 8. Cao 1,7m. + Tấm đan BTCT kích thước (120 x 60)cm, sắt phi 8. Dày 8cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian dài và hiện đang còn sử dụng bình thường.	100md
15.11	Trạm bơm, bể gom, bể chứa, bể tháo		
15.11.1	Trạm bơm		
15.11.1.1	Nhà trạm	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Kích thước (3,6 x 3,2)m, cao 3,6cm. - Kết cấu: <ul style="list-style-type: none"> + Móng: Móng cột BTCT kích thước (1.200 x 1.200)mm, sắt phi 10 và phi 6. Móng tường xây đá chẻ (250 x 250)mm, giằng móng bằng dầm BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 12 và phi 6. + Cột: BTCT kích thước (300 x 300)mm, sắt phi 16 và phi 6. + Tường: Xây gạch dày 15cm. + Mái: BTCT kích thước (4,4 x 4)m, sắt phi 8 và phi 6. Dày 8cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời	11,52m ²

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		gian dài, tường có nhiều vết nứt, hiện đang còn sử dụng bình thường.	
15.11.1.2	Thiết bị bơm	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Thiết bị máy bơm thải loại chìm. - $H = 66 - 30$ (m) - $Q = 40 - 65$ (m^3/h) - Phụ kiện đi kèm <p>❖ Hiện trạng: Tài sản xây dựng đã sử dụng một thời gian dài, hiện đang còn hoạt động bình thường và nằm chìm dưới đáy bể.</p>	02 bộ
15.11.2	Bể gom, bể chứa, bể tháo	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Bể gom: BTCT kích thước (2,87 x 2,1)m, sắt phi 14 và phi 8. Dày 30cm. - Bể chứa: BTCT kích thước (19,85 x 3,6)m, sắt 18, phi 16, phi 14, phi 8 và phi 6. Dày 30cm. - Bể tháo: BTCT kích thước (2,1 x 2,1)m, sắt phi 14, phi 10 và phi 8. - Nắp đan: BTCT sắt phi 14 và phi 10. Dày 15cm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, lớp bê tông bị mục, ăn mòn nhiều nơi. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	100m ³
15.12	Nhà để dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Kích thước (3,3 x 3,7)m, cao 2,2m. - Kết cấu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà cấp 04 lợp mái tôn kẽm. + Xà gỗ sắt hộp (30 x 30 x 2)mm. + Vì kèo sắt hộp (40 x 40 x 2)mm. + Trụ BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 12 và phi 6. + Nền bê tông. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, tường bị nứt, lớp trát tường bị bong tróc nhiều chỗ, nền bê tông bị nứt một nhiều chỗ, mái bị rỉ sét và thủng một nhiều nơi. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	12,21m ²
15.13	Tường rào	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2007. - Móng: Xây đá chẻ kích thước (250 x 250)mm. Giằng móng bằng dầm BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 16 và phi 6. - Cột: Cột BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 12 và phi 6, cao 1,8m. Số lượng: 08 cột. Cột gạch kích thước (200 x 200)mm, cao 1,8m. Số lượng: 04 cột. 	21,1md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>– Tường: Xây gạch rỗng 06 lỗ, dày 11cm. Giằng đầu tường bằng dầm BTCT kích thước (200 x 70)mm, sắt phi 10 và phi 6.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian dài, tường rào đã xuống cấp, có vết nứt nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	
16	Hệ thống cấp điện Hệ thống XLNT tập trung	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2007.</p> <p>– Đường dây 35kV: Đz trên không.</p> <p>+ Điểm đầu: C2a Đz 35kV KCN Phú Tài mở rộng phía Bắc.</p> <p>+ Điểm cuối: TBA 750kVA khu xử lý nước thải.</p> <p>+ Chiều dài tuyến: 27m.</p> <p>+ Dây dẫn: 3AS-95.</p> <p>+ Xà: Thép mạ kẽm.</p> <p>+ Cách điện: 35kV CNM.</p> <p>+ Cột: 01 BTLT-12m.</p> <p>+ Tiếp địa: R4C:1.</p> <p>+ Khoảng cột lớn nhất: 27m.</p> <p>– Trạm biến áp:</p> <p>+ Kiểu: Đặt bệ.</p> <p>+ Loại: Ngoài trời.</p> <p>+ Diện tích nền trạm biến áp: 30m².</p> <p>+ Kết cấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Cột trạm: BTLT - 10,5m. ○ Hệ xà trạm: Thép hình mạ kẽm. ○ Tường rào trạm: Tường xây gạch, cổng thép. ○ Nối đất trạm: R40C. <p>– Máy biến áp:</p> <p>+ Dung lượng: 750kVA.</p> <p>+ Điện áp: 35(22)/0,4kV.</p> <p>+ Số pha: 03.</p> <p>+ Số lượng máy: 01.</p> <p>+ Nước sản xuất: Việt Nam (Thibidi).</p> <p>+ Điện áp phóng: 40kV/2,5mm.</p> <p>– Tủ điện hạ thế và bố trí thiết bị trong tủ: Tủ thép sơn 03 ngăn đặt trên bệ.</p> <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian dài, khung máy biến áp bị rỉ sét nhiều chỗ, cột đỡ bệ mặt bê tông bị ăn mòn nhiều nơi. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	01 hệ thống

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
17	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khu XLNT	<ul style="list-style-type: none"> – Năm phát sinh: 2007. – Là hạng mục chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khu xử lý nước thải. 	01 gói
18	Hệ thống XLNT tập trung KCN Phú Tài (Gói thầu 5A)	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: Năm 2011. 	
18.1	Xây lắp		
18.1.1	Bể điều hòa	<ul style="list-style-type: none"> – Kích thước: (19,3 x 31,8)m, cao 8,2m. – Đáy bể: Bê tông cốt thép; Sắt phi 18 và phi 16; Dày 50cm. – Thành bể: Bê tông cốt thép; Sắt phi 20, phi 16; Dày 40cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian tương đối dài, bề mặt thành bể lớp trát bảo vệ bị ăn mòn nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình thường. 	01 hạng mục
18.1.2	Bể xử lý	<ul style="list-style-type: none"> – Kích thước: (11,3 x 31,8)m, cao 8,2m. – Đáy bể: Bê tông cốt thép; Sắt phi 20, phi 18, phi 16 và phi 10; Dày 60cm. – Thành bể: Bê tông cốt thép; Sắt phi 20, phi 16 và phi 8; Dày 40cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian tương đối dài, bề mặt thành bể lớp trát bảo vệ bị ăn mòn nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình thường. 	01 hạng mục
18.1.3	Hệ thống bơm nước từ bể điều hòa sang bể SBR	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép D300, dài 15m. – Nối thép T90 – D300/125, số lượng: 03 cái. – CUT 90/D300, số lượng: 06 cái. – Van 1 chiều D300, số lượng: 04 cái. – Khớp chống rung, số lượng: 04 cái. – Ống thép D150, dài 18m. – Ống thép D125, dài 8m. – Ống thép D125, dài 1m. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, bề mặt ống bị rỉ sét nhiều chỗ, hiện đang còn sử dụng bình thường. 	01 hạng mục
18.1.4	Hệ thống cấp khí cho bể SBR và bể điều hòa	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép D250, dài 80m. – Ống thép D100, dài 50m. – Mối nối T90-D250/100, số lượng: 05 cái. – Mối nối T90-D250/250, số lượng: 02 cái. 	01 hạng mục

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Bích nối thép nhựa, số lượng: 04 bộ. - CUT 90/D250/250, số lượng: 04 cái. - CUT 90/D250/100, số lượng: 10 cái. - Lưu lượng D100, số lượng: 06 cái. - Van 1 chiều, số lượng: 04 cái. - Ống nhựa PVC D100, dài 18m. - Van lưu lượng D250, số lượng: 02 cái. - Mối nối T-D200/100, số lượng: 01 cái. - Mối nối C-D100/100, số lượng: 01 cái. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, bề mặt ống bị rỉ sét nhiều chỗ, các van cấp khí đã rỉ sét. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	
18.1.5	Dàn cấp khí cho bể SBR và bể điều hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nhựa PVC D100, dài 970m. - Thép vuông (2 x 2)cm, dài 600m, T90-100/100, nhựa PVC, số lượng: 160 cái. - Thập D100, nhựa PVC, số lượng: 250 cái. - CUT 90-D250/100, nhựa PVC, số lượng: 10 cái. - Chóp phân phối khí, nhựa, số lượng: 300 bộ. - Ốp kẹp ống thép, số lượng: 300 cái. - Bán mã: Thép D15, số lượng: 300 cái. - Bulong D10 thép, số lượng: 1.500 cái. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, dàn cấp khí cho bể điều hòa đã hỏng, hiện không hoạt động được.</p>	01 hạng mục
18.1.6	Hệ thống bơm bùn	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thép D100, dài 40m. - CUT 90-D100, số lượng: 08 cái. - Van thép D100, số lượng: 06 cái. - T-D100 thép, số lượng: 04 cái. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, ống thép bị rỉ sét nhiều chỗ, hiện đang được sử dụng bình thường.</p>	01 hạng mục
18.2	Thiết bị		
18.2.1	Thiết bị tách rác tinh	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: ICTI-Việt Nam. - Độ rộng khe: 3mm. - Cào rác tự động. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, trục quay thiết bị đã rỉ sét nhiều chỗ, hiện đang sử dụng bình thường.</p>	01 bộ
18.2.2	Máy bơm ly tâm loại trục ngang, bơm	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Vertex-Italy. - Model: CM 80 200A. 	04 cái

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
	nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng: 240m³/h. - Cột áp: 46,1m, 50Hz/380/3ph, 2.900 vòng/phút. - Công suất động cơ: 3kW. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, thân máy và ống bơm nước bị rỉ sét nhiều chỗ. Hiện đang đang sử dụng bình thường. 	
18.2.3	Máy bơm ly tâm loại trục ngang, bơm bùn	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Vertix-Italy. - Model: CM50-250B. - Lưu lượng: 50m³/h. - Cột áp: 71,5m, 50Hz/380/3ph, 2.900 vòng/phút. - Công suất động cơ: 18,5kW. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, thân máy bị rỉ sét nhiều chỗ. Hiện đang sử dụng bình thường. 	01 cái
18.2.4	Máy thổi khí	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Long Tech – Đà Loan. - Lưu lượng: 28,99m³/ph. - Cột áp: 8m, 1.050 vòng/phút. - Công suất động cơ: 75HP. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, thân máy bị rỉ sét nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình thường. 	02 bộ
18.2.5	Máy thổi khí	<ul style="list-style-type: none"> + Xuất xứ: Long Tech – Đà Loan. - Lưu lượng: 9,04m³/ph. - Cột áp: 8m, 1.600 vòng/phút. - Công suất động cơ: 25HP. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, thân máy bị rỉ sét nhiều chỗ, thiết bị hiện đang sử dụng bình thường (01 cái hiện đang sử dụng hoạt động bình thường và 01 cái vẫn còn hoạt động tuy nhiên hiện đang để kho dự phòng). 	02 bộ
18.2.6	Bơm định lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: OBL-Italy. - Qmax = 320l/h. - Hmax = 5bar. - N = 0,3kW-230/400V, 3ph-50Hz. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, thân máy bị rỉ sét nhiều chỗ, hiện đang còn sử dụng bình thường. 	01 bộ
18.2.7	Thùng chứa hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Việt Nam. - V = 2m³. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian tương đối dài, bề mặt thùng nhiều vết xước, hiện 	03 cái

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<i>đang sử dụng bình thường.</i>	
18.2.8	<i>Thiết bị keo tụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: ICTI-Việt Nam. - Lưu lượng: 50m³/h. ❖ Hiện trạng: Thân máy bị rỉ sét một vài chỗ, hiện thiết bị chưa đưa vào sử dụng. 	01 bộ
19	Hệ thống thoát nước thải KCN Long Mỹ đợt 1	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2011. 	
19.1	<i>Tuyến ống số 1 (Từ ga HK1 đến ga H12)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thép phi 300, dày 8mm. - Hố ga thăm: 11 cái <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10 + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Hố ga kỹ thuật: 30 cái <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m, sắt phi 10 và phi 6 + Tấm đan kích thước (800 x 1.200), thép lá dày 2mm, thép chữ L kích thước (50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông (20 x 20)mm; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường. 	534,2md
19.2	<i>Tuyến ống số 1A (Từ ga HK1 đến ga H9)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Ống BTLT, D400 và D300. - Hố ga thăm: 09 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Hố ga kỹ thuật: 03 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m, sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan kích thước (800 x 1.200), thép lá dày 2mm, thép chữ L kích thước (50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông (20 x 20)mm; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường. 	370md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
19.3	Tuyến ống số 2 (Từ ga HK1 đến bể thu)	<p>dụng bình thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống BTLT, D400 và D300. - Hồ ga thăm: 38 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Hồ ga kỹ thuật: 09 cái <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (1.650 x 1.200)mm, cao 1,4m, sắt phi 10 và phi 6. + Tấm đan kích thước (800 x 1.200), thép lá dày 2mm, thép chữ L kích thước (50 x 50 x 3)mm. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông (20 x 20)mm; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường.</p>	1.726,5md
19.4	Tuyến số 3 (Từ ga H3.1 đến hồ ga tuyến 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Ống BTLT, D300. - Hồ ga thăm: 16 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông (20 x 20)mm; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường.</p>	890,4md
19.5	Tuyến số 4 (Từ hồ ga H4.1 đến trạm bơm cấp 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Ống BTLT, D300. - Hồ ga thăm: 12 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông 20x20; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường.</p>	860,5md

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
19.6	Tuyến số 5 (Từ hố ga H5.1 đến hố ga H5.4)	<ul style="list-style-type: none"> - Ống BTLT, D300. - Hố ga thăm: 04 cái. <ul style="list-style-type: none"> + BTCT kích thước (110 x 110)mm, sắt phi 18 và phi 10. + Tấm đan BTCT kích thước (45 x 90)cm, sắt phi 10 và phi 8. - Lưới chắn rác: Khung bằng thép vuông (20 x 20)mm; Lưới inox dày 3mm; Kích thước (600 x 1.200)mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường. 	125md
19.7	Trạm bơm cấp 1	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: (1.560 x 360)cm; Cao 475cm. - Bao gồm: 01 bể hút có diện tích (360 x 360)cm, cao 475cm, kết cấu bằng BTCT sắt phi 16, phi 14 và phi 12; 03 bể chứa có diện tích (300 x 360)cm, cao 250cm, kết cấu bằng BTCT sắt phi 12 và phi 20; 01 bể xả có diện tích (150 x 170)cm, cao 680cm, kết cấu bằng BTCT sắt phi 20 và phi 6. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường. 	01 cái
19.8	Đường ống áp lực từ đài nước trạm bơm cấp đến bể chứa trạm bơm cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> - Ống uPVC D = 200mm, dày 5,9mm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường. 	1.243,5md
19.9	Trạm bơm cấp 2	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tường rào bao che nhà quản lý: Diện tích (1.200 x 800)cm, kết cấu: Móng cột BTCT kích thước (110 x 110)cm, sắt phi 16, phi 10 và phi 6, móng tường xây đá chẻ vữa XM M50, giằng tường BTCT kích thước (200 x 200)mm, cột BTCT kích thước (30 x 30)cm, sắt phi 16 và phi 6, chân tường xây gạch vữa M50, dày 20cm, cao 50cm có ốp đá Hòa Phát, tường xây gạch rỗng vữa XM M50, dày 15cm, cao 1,22m, giằng tường dầm BTCT kích thước (800 x 200)mm, vữa XM M200, sắt phi 8 và phi 6, trên giằng tường có chông sắt vuông cao 20cm. + Nhà quản lý: Diện tích (400 x 360)cm, cao 3m, kết cấu: Móng trụ BTCT đá 1x2, M200, sắt phi 14, phi 10 và phi 6; Nền lát gạch ceramic (30 x 30)cm, sàn lát gạch tuynel chống nóng (20 x 	01 hạng mục

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>20 x 10)cm, mái BTCT.</p> <p>+ Bể hút: 05 cái, mỗi cái có kích thước (1.600 x 360)cm, cao 240cm, kết cấu bằng BTCT, sắt phi 20, phi 10 và phi 6, bê tông bê đá 1x2, M200.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã sử dụng một thời gian tương đối dài, kết cấu nhà đã xuống cấp, tường có nhiều vết nứt, lớp trát vữa bị bong tróc nhiều chỗ. Hiện đang còn sử dụng bình thường.</p>	
19.10	Tuyến ống dẫn nước thải qua đèo Long Mỹ (Từ trạm bơm KV2 đến tuyến ống áp lực của HT XLNT KCN MR về phía Nam)	<p>– Ống thép tráng kẽm D76,6 dày 4mm, ống thép tráng kẽm D150, dày 4mm.</p> <p>– Hồ van xả cặn và xả khí: 02 cái.</p> <p>– Bê tông đá 1x2, M200.</p> <p>– Kích thước (130 x 150)cm.</p> <p>– Tấm đan BTCT, M200, sắt phi 10 và phi 6, kích thước (120 x 120)cm, dày 8mm.</p> <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian tương đối dài. Hiện đang sử dụng bình thường.</p>	2.883,2m
B	VỐN CÔNG TY CP TỰ ĐẦU TƯ		
I	Vốn Công ty Cổ phần tự đầu tư (Danh mục tài sản theo Biên bản bàn giao HĐQT Công ty ngày 29/6/2018 và Phần ghi nhận tăng giá trị sau khi có Quyết định phê duyệt Quyết toán số 2410/QĐ-UBND)		
01	Hệ thống XLNT tập trung KCN Phú Tài (Gói thầu 5A)	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2011.</p> <p>– Là hạng mục bổ sung của hạng mục “Hệ thống XLNT tập trung KCN Phú Tài (Gói thầu 5A)” tại mục số 18.2. Phần thiết bị – B. Vốn ngân sách Nhà nước cấp. Do đó, đặc điểm kỹ thuật, hiện trạng tài sản của hạng mục này cũng như cách xác định giá trị cũng tương tự hạng mục số 18.2 được kể trên.</p>	01 hạng mục
02	Hệ thống thoát nước thải KCN Long Mỹ đợt 1	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 2011.</p> <p>– Là hạng mục bổ sung của hạng mục “Hệ thống thoát nước thải KCN Long Mỹ đợt 1” tại mục số 19 – A. Vốn ngân sách Nhà nước cấp. Do đó, đặc điểm kỹ thuật, hiện trạng tài sản của hạng</p>	01 hạng mục

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<i>mục này cũng như cách xác định giá trị cũng tương tự hạng mục số 19 - A được kể trên.</i>	
03	Hệ thống thu gom nước thải của các DN đợt 2	– Năm đưa vào sử dụng: 01/01/2018.	
3.1	Tuyến từ Công ty Thanh Sơn – Hồ ga phía bắc Công ty Tân Bình.	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép tráng kẽm phi 150, dày 5mm. Dài 10,8m. – Ống nhựa HDPE phi 125, dày 6mm. Dài 10,8m. – Bể thu nước thải: BTCT kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10 và phi 8. Cao 150cm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	277m
3.2	Tuyến từ xí nghiệp chiết nạp gas – Bể thu gom phía đông công ty VQN	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép tráng kẽm phi 150, dày 5mm. – Gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống nhựa HDPE phi 125, dày 6mm. + Bể thu nước thải: BTCT kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10 và phi 8. Cao 150cm. + Bể thu nước thải: BTCT M250, kích thước (340 x 310)cm, sắt phi 12. Cao 3m. + Tường rào (Bao quanh bể thu nước thải BTCT M250, kích thước (340 x 310)cm, sắt phi 12. Cao 3m) có tổng chiều dài L = 1.940m, lưới B40 cao 120cm, chân tường xây gạch 6 lỗ dày 135mm; Móng tường xây đá chẻ, vữa xi măng M75; Trụ bê tông BTCT, kích thước (15 x 15 x 225)cm. Cổng song sắt thép vuông rộng (16 x 16 x 1,8)mm, khung bằng thép hộp vuông (60 x 60 x 2)mm, thép tấm dày 2mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	313m
3.3	Tuyến từ công ty VQN – Hồ thu phía tây Công ty Phước Hòa	<ul style="list-style-type: none"> – Gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống thép tráng kẽm phi 125, dày 4mm. Dài 56m. + Ống nhựa HDPE phi 90, dày 4,3mm. Dài 56m. + Ống nhựa HDPE phi 90, dày 4,3mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	367,3m
3.4	Tuyến từ Công ty Tiến Thuận – Hồ ga phía tây Công ty Hồng Ngọc	<ul style="list-style-type: none"> – Gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống nhựa HDPE phi 125, dày 6mm. + Ống sắt tráng kẽm phi 125, dày 5mm, dài 30m (Đoạn ống nước thải qua đường trục). 	383m

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Bể thu nước thải: BTCT kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10 và phi 8. Cao 150cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường. 	
3.5	Tuyến từ Công ty Thành Long – Giáp đường ống	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + Đoạn ống nhựa HDPE phi 125, dày 6mm. Dài 14m. + Ống thép tráng kẽm D125, dày 4mm. Dài 20m. + Bể thu nước thải: BTCT M200 kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10. Cao 150cm ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường. 	32m
3.6	Tuyến từ Công ty Phú Thành – Hồ ga phía đông Công ty Phú Minh Trọng	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + Ống thép tráng kẽm phi 125, dày 4mm. Dài 13,1m. + Ống nhựa HDPE phi 125, dày 6mm. + Bể thu nước thải: BTCT M200 kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10. Cao 150cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường. 	134,5m
3.7	Tuyến từ Công ty Xuân Nguyên – Đường ống thu gom nước thải có sẵn nằm ở phía bắc doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + Ống thép tráng kẽm D150, dày 5mm. Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. Dài 45,8m. + Ống nhựa D125 (140 x 5)mm, dày 5mm. + Bể thu nước thải: BTCT M200 kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10. Cao 150cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường. 	79m
3.8	Tuyến từ Công ty Quang Thuận – Hồ ga phía đông Công ty Thành Hưng	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + Ống thép tráng kẽm D150, dày 5mm. Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. Dài 33,4m. + Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. + Bể thu nước thải: BTCT M200 kích thước (200 x 120)cm, sắt phi 10. Cao 150cm. + Hồ van bê tông đá 1x2 M200, kích thước (90 x 90)cm. Cao 137cm. ❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường. 	363,1m
3.9	Tuyến từ Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: 	192,2m

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
	Máy, véc – Hố ga phía tây Công ty Hoàng Long	<ul style="list-style-type: none"> + Ống thép tráng kẽm D150, dày 5mm. Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. Dài 45,8m. + Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. + Bể thu nước thải: BTCT M200 kích thước (180 x 100)cm, sắt phi 10. Cao 140cm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	
3.10	Tuyến từ Công ty Nhật Hùng – Hố ga phía bắc Công ty Hoàng Long	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm: + Ống thép tráng kẽm D150, dày 5mm. Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. Dài 47m. + Ống nhựa HDPE D125, dày 6mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	213,3m
04	Đĩa phân phối khí Hệ thống XLNT tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 01/01/2015. - Xuất xứ: Mỹ. - Hãng sản xuất: SSI – USA. - Model: AFD 350. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã qua sử dụng một thời gian dài, hiện đã hư hỏng nặng và được thay thế bằng tài sản khác.</p>	01 cái
05	Máy ép bùn băng tải đôi Hệ thống XLNT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 01/01/2015. - Xuất xứ: Việt Nam. - Model: TLP 500. - Năng suất: 0,5 – 1,5 m³/h. - Băng tải lọc 0,4kW, 3Φ, 380V, tốc độ vô cấp (Inverter). - Các ru lô: Thép nhúng kẽm. - Các máng thu nước lọc và nước rửa bằng inox. - Cụm rửa băng tải: Q = 1 – 2 m³/h; H = 50 - 55m. - Khung sắt xi: Thép sơn phủ Epoxy. - Hệ thống khí nén chỉnh băng tải: Vale Solenoid + Xi lanh. - Bộ trộn polymer. - Bồn trộn: 400 x 400 x 500 (Thép), tráng composit. - Motor + Hộp giảm tốc: 1/2Hp, 3Φ, 380V, 70 – 100rpm (Siemens) - Cánh khuấy: Inox. - Tủ điện điều khiển: Vỏ, tủ của Việt Nam, linh 	01 cái

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<p>kiện LG.</p> <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian, hiện vẫn đang hoạt động và được sử dụng bình thường</p>	
06	Hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 01/01/2015.</p> <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã qua sử dụng một thời gian dài, hiện đã hư hỏng nặng và được thay thế bằng tài sản khác.</p>	
6.1	Bộ điều khiển và hiển thị số truy xuất dữ liệu đến máy tính	<p>– Xuất xứ: Đức.</p> <p>– Nhà cung cấp: HACH - Mỹ.</p> <p>– Model: SC1000.</p> <p>– Hiện trạng:</p>	01 bộ
6.2	SENSOR đo pH (Đầu đo pH)	<p>– Xuất xứ: Mỹ.</p> <p>– Hãng cung cấp: HACH – Mỹ.</p> <p>– Model: DPD1R1.</p>	01 cái
6.3	SENSOR đo COD hoặc BOD	<p>– Xuất xứ: Đức.</p> <p>– Hãng cung cấp: HACH – Mỹ.</p> <p>– Model: UVAS sc.</p>	01 cái
6.4	SENSOR đo TSS (Đầu đo Tổng chất rắn lơ lửng)	<p>– Xuất xứ: Đức.</p> <p>– Hãng cung cấp: HACH – Mỹ.</p> <p>– Model: Solitax sc, ts-line.</p>	01 cái
6.5	Tủ điện gắn SENSOR, bộ điều khiển và các phụ kiện khác.	<p>– Lắp ráp tại Việt Nam.</p> <p>– Tủ điện lắp đặt ngoài trời. Loại tủ có 02 lớp thép dày, có mái che, thông gió bằng quạt và cách nhiệt tốt.</p> <p>– Kích thước tủ: (Cx Dx S): (1.600 x 800 x 600)mm.</p>	01 cái
6.6	Đồng hồ đo lưu lượng điện từ	<p>– Xuất xứ: Italy.</p> <p>– Hãng cung cấp: EUROMAG – Italy.</p> <p>– Model: MUT 2200EL.</p>	01 cái
07	Bệ xúc khí Hệ thống XLNT tập trung	<p>– Năm đưa vào sử dụng: 30/10/2015.</p> <p>– Phần xây dựng bộ máy xúc khí:</p> <p>+ Móng: BTCT kích thước (800 x 800)mm, sắt phi 12, bê tông lót đá 4x6, vữa XM M100, dày 10cm.</p> <p>+ Cột: BTCT kích thước (200 x 200)mm, sắt phi 14 và phi 6.</p> <p>+ Tường: BTCT đá 1x2, vữa XM M200, sắt phi 12 và phi 6, dày 20cm. Cao 2,4m.</p> <p>+ Nền: Gồm 03 lớp. Cao 2m.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cát xây long nước, đầm chặt từng lớp. 	01 hạng mục

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> • Bê tông lót đá 4x6, vữa XM M100, dày 100. • Láng nền vữa XM M100, có đánh màu, dày 3cm. – Phần khung sắt tường bao che bộ máy sục khí: + Khung: <ul style="list-style-type: none"> • Cột thép D114 dày 2mm, dài 2,4m. Số lượng: 04 thanh. • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 2,4m. Số lượng: 02 thanh. • Thép hộp 40x40 dày 1,8mm, dài 1,8m. Số lượng: 01 thanh. • Thép hộp 40x40 dày 1,8mm, dài 2,3m. Số lượng: 02 thanh. • Thép hộp 40x40 dày 1,8mm, dài 6m. Số lượng: 04 thanh. • Thép hộp 40x40 dày 1,8mm, dài 4m. Số lượng: 04 thanh. + Kèo: <ul style="list-style-type: none"> • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 6m. Số lượng: 02 thanh. • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 4m. Số lượng: 02 thanh. • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 3m. Số lượng: 04 thanh. • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 0,34m. Số lượng: 02 thanh. • Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 0,23m. Số lượng: 04 thanh. + Xà gồ: Thép hộp 50x100 dày 2mm, dài 4m. Số lượng: 06 thanh. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian, kết cấu thép rỉ sét nhiều nơi, nền bong tróc một vài chỗ và hiện đang được sử dụng bình thường. 	
08	Máy thổi khí Hệ thống XLNT tập trung	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: 01/10/2018. – Xuất xứ: Đài Loan. – Hãng sản xuất: Goldentech. – Model: GT-200. – Công suất: 55kW. ❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian, hiện vẫn đang hoạt động và được sử dụng bình thường. 	01 cái
09	Hệ thống thu gom nước thải của các DN	<ul style="list-style-type: none"> – Năm đưa vào sử dụng: Năm 2017. 	

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
9.1	Tuyến Phước Tiến – Công ty Như ý	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép tráng kẽm $D = 125\text{mm}$, dày 5mm. – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. – Bể thu nước thải: BTCT kích thước (200×120), sắt phi 10. Cao $1,4\text{m}$. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	206,5md
9.2	Tuyến từ công ty TNHH An Thái Sơn đến đường trục trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép tráng kẽm $D = 125\text{mm}$, dày 5mm. – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. – Bể thu nước thải: BTCT kích thước $(200 \times 120)\text{mm}$, sắt phi 10. Cao $1,5\text{m}$. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	280,5md
9.3	Tuyến Bình Minh - Đường trục trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. – Bể thu nước thải: BTCT kích thước $(200 \times 120)\text{mm}$, sắt phi 10. Cao $1,5\text{m}$. – Hố van: Bê tông đá 1x2 M200, kích thước $(90 \times 90)\text{cm}$. Gồm: Tê phi 125, van 2 chiều ty chìm, ống thép tráng kẽm phi 125. Cao $1,35\text{m}$. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	304,5md
9.4	Tuyến công ty giày – Hố ga Công ty Đức Toàn	<ul style="list-style-type: none"> – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường..</p>	98md
9.5	Tuyến cống Công ty Mùa Vàng – Công ty Thành Đạt	<ul style="list-style-type: none"> – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. – Bể thu nước thải: BTCT kích thước $(200 \times 120)\text{mm}$, sắt phi 10. Cao $1,5\text{m}$. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	120,5md
9.6	Tuyến Công ty Bê tông Xây lắp Phú Tài – Công ty bia Sài Gòn.	<ul style="list-style-type: none"> – Ống thép tráng kẽm $D = 125\text{mm}$, dày 3mm. – Ống nhựa HDPE $D = 125\text{mm}$, dày 6mm. – Hố van: Bê tông đá 1x2 M200 kích thước $(90 \times 90)\text{cm}$, cao $1,29\text{m}$. <p>❖ Hiện trạng: Công trình đã hoàn công, đã sử dụng một thời gian và hiện đang sử dụng bình thường.</p>	735,7md
II	Vốn Công ty Cổ phần tự đầu tư,		

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
	thay thế để vận hành hệ thống sau khi bàn giao		
01	Đĩa phân phối khí Hệ thống XLNT tập trung (Thay thế danh mục số 04)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2018. - Xuất xứ: Đức. - Hãng sản xuất: REHAU – Đức. - Model: Rabioflex. - Đường kính: DN 300mm. - Đầu nối ren 27mm. - Vật liệu: Màng EPDM. - Khung: PP. - Bao gồm công lắp đặt. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản đã sử dụng một thời gian ngắn, hiện vẫn đang hoạt động ổn định và được sử dụng bình thường</p>	300 cái
02	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục sau xử lý (Thay thế danh mục số 06)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm đưa vào sử dụng: 2020. <p>❖ Hiện trạng: Tài sản vừa mới đưa vào sử dụng, hiện đang hoạt động tốt và ổn định và được sử dụng bình thường.</p>	
2.1	Thiết bị đo: COD, TSS, pH, nhiệt độ, Amonia		
2.1.1	Bộ điều khiển hiển thị thông số	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Cannada. - Hãng sản xuất: Realtech. - Model: S-169000. 	01 bộ
2.1.2	Cảm biến đo COD, TSS	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Cannada. - Hãng sản xuất: Realtech. - Model: SA series. 	01 bộ
2.1.3	Cảm biến đo Ph + nhiệt độ	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Cannada. - Hãng sản xuất: Realtech. - Model: PH1000. 	01 bộ
2.1.4	Cảm biến đo Ammonium (NH ₄ ⁺)	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Cannada. - Hãng sản xuất: Realtech. - Model: AM1000. 	01 bộ
2.2	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào DN 300	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Pháp. - Hãng sản xuất: Siemens. - Model: MAG 5100 W + MAG 5000. 	01 bộ
2.3	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra DN 100	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Pháp. - Hãng sản xuất: Siemens. 	01 bộ

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		– Model: MAG 5100 W + MAG 5000.	
2.4	Thiết bị lấy và lưu mẫu tự động	– Xuất xứ: Đức. – Hãng sản xuất: MAXX. – Model: SP5 B.	01 bộ
2.5	Thiết bị thu thập và truyền dữ liệu (DataLogger)	– Xuất xứ: Việt Nam. – Hãng sản xuất: SRD. – Model: SDL-219.	01 bộ
2.6	Hệ thống camera giám sát hình ảnh		
2.6.1	Camera xoay	– Xuất xứ: Châu Á. – Hãng sản xuất: Hikvision. – Loại camera có chức năng xoay ngang, xoay dọc. – Độ phân giải video: 1080p(25/30fps). – Ống kính: 53 – 64mm, Zoom 12X. – Hỗ trợ hồng ngoại quan sát ban đêm với khoảng cách lên đến 100m. – Cấp độ bảo vệ: IP66. – Xem từ xa qua web. – Xem từ xa qua điện thoại thông minh.	02 bộ
2.6.2	Đầu ghi hình	– Xuất xứ: Châu Á. – Hãng sản xuất: Hikvision. – Đầu ghi hình 04 kênh. – Cổng vào: 04 kênh IP, độ phân giải lên đến 8Mp, băng thông tối đa 80Mbps. – Chuẩn nén hình ảnh: H.265/H.264. – Cổng ra: VGA/HDMI. – Hỗ trợ chuẩn: Onvif 2.3. – Hỗ trợ: 1 SATA x 6TB (Tối đa), 2USB 2.0. – Hỗ trợ: RJ45. – Hỗ trợ: 128 user truy cập cùng lúc. – Phụ kiện lắp: Giá đỡ, trụ lắp, ... – Ổ cứng kèm theo đầu ghi hình: dung lượng 6TB.	01 bộ
2.7	Thiết bị lưu điện (UPS)	– Xuất xứ: Thổ Nhĩ Kỳ. – Hãng sản xuất: POWERPACK SE 3KVA. – Model: SDL-219.	01 bộ
2.8	Tủ điện và phụ kiện hệ thống cho toàn hệ thống	– Xuất xứ: Việt Nam. – Thông tin kỹ thuật: + Tủ điện trung tâm.	01 gói

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Tủ điện cấp nguồn cho thiết bị lưu lượng. + Bồn chứa mẫu, gá sensor, ống dẫn nước. + Bơm chìm lấy mẫu. + Thiết bị chống sét lan truyền. + Thiết bị báo cháy báo khói. + Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm cho nhà trạm. + Bộ hóa chất chuẩn theo thông tư 24/2017/TT-BTNMT. + Cáp tín hiệu, cáp cấp nguồn thiết bị và ống nhựa đi cáp. + Các phụ kiện khác như: Đầu cos, nguồn DC, ống nhựa, đầu nối, ... + Hệ thống thổi khí nén làm sạch. + Hồ bảo vệ cho thiết bị đo lưu lượng đầu vào. + Mất bích lắp đặt cho các thiết bị đo lưu lượng. 	
2.9	Phần mềm quản lý dữ liệu - EnviMS	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Việt Nam. - Hãng sản xuất: Ánh Dương. - Model: EnviMS. 	01 gói
2.10	Chi phí kiểm định hiệu chuẩn, đánh giá hệ thống theo thông tư 24/2017/TT-BTNMT	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị: COD, TSS, pH, Amonium, nhiệt độ, lưu lượng (Vào, ra). - Đánh giá bên ngoài hệ thống, đánh giá kỹ thuật hệ thống. - Đo quan trắc đối chứng RA các thông số: COD, TSS, pH, Amonium, lưu lượng (Vào, ra). - Xuất báo cáo đánh giá RATA. - Chi phí di chuyển của các đơn vị thực hiện 	01 lần
2.11	Chi phí nhân công và phụ kiện lắp đặt	<ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển thiết bị. - Chi phí lắp đặt, cài đặt tủ điện và cân chỉnh thiết bị quan trắc. - Đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng cài đặt, cân chỉnh các thiết bị của trạm giám sát. - Chi phí thu thập, lập hồ sơ lưu trữ theo thông tư 24/2017/TT-BTNMT. - Chi phí kết nối tín hiệu về sở hữu tài nguyên và môi trường. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì thiết bị bên trong tủ giám sát. 	01 gói